

USE CASE “THANH TOÁN ĐƠN HÀNG”

1. Mã use case

UC001

2. Mô tả ngắn gọn

Use case này mô tả tương tác giữa phần mềm AIMS với khách hàng và Liên ngân hàng khi khách hàng muốn đặt hàng và thanh toán bằng phương thức “Thanh toán bằng thẻ ngân hàng”.

3. Tác nhân

- a. Khách hàng
- b. Liên ngân hàng

4. Tiền điều kiện

Tiền điều kiện của Use case này là phần mềm AIMS sẽ tính toán tổng tiền khách phải trả dựa vào danh sách sản phẩm trong giỏ hàng, số lượng, giá cả sản phẩm, tổng giá cả sản phẩm chưa bao gồm VAT, tổng giá cả sản phẩm đã bao gồm VAT và phí giao hàng.

5. Luồng sự kiện chính

1. Phần mềm AIMS hiển thị màn hình thanh toán cho khách hàng với thông tin chính là tổng số tiền hóa đơn phải trả và các vùng nhập dữ liệu thông tin thanh toán.
2. Khách hàng nhập tất cả thông tin trong thẻ tín dụng mà hệ thống AIMS yêu cầu cần điền và xác nhận thanh toán.
3. Phần mềm AIMS sẽ kiểm tra xem thông tin thẻ tín dụng có đúng định dạng hay không.
4. Phần mềm AIMS sẽ yêu cầu liên ngân hàng thanh toán.
5. Liên ngân hàng xử lý giao dịch thanh toán dựa trên thông tin mà người dùng nhập.
6. Phần mềm AIMS sẽ lưu lại giao dịch thanh toán bao gồm các thông tin như là hệ thống sẽ hiển thị mã giao dịch (transaction ID), tên chủ thẻ, số tiền bị trừ, nội dung giao dịch, số dư (balance), ngày giờ giao dịch.
7. Hiển thị kết quả giao dịch cho khách hàng xem.

6. Luồng sự kiện thay thế

Bảng 1. Luồng sự kiện thay thế cho UC Thanh toán đơn hàng

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1	Bước 4	Nếu thông tin thẻ tín dụng nhập không hợp lệ	Phần mềm AIMS sẽ thông báo cho khách hàng là thông tin thẻ tín dụng nhập không hợp lệ	Bước 2
2	Bước 5	Nếu thông tin thẻ tín dụng nhập bị sai	Phần mềm AIMS sẽ thông báo cho khách hàng là thông tin thẻ tín dụng bị sai	Bước 2
2	Bước 5	Nếu số dư trong tài khoản không đủ để thanh toán đơn hàng	Phần mềm AIMS sẽ thông báo rằng thẻ tín dụng không đủ để thanh toán đơn hàng	Bước 2

7. Dữ liệu vào

Bảng 2. Dữ liệu vào cho UC Thanh toán đơn hàng

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên chủ thẻ	Tên người dùng sử dụng hình thức “Thanh toán bằng thẻ ngân hàng”	Có	Viết hoa tất cả chữ cái, không chứa ký tự như là dấu, chỉ bao gồm các chữ cái TIẾNG ANH từ A đến Z	NGUYEN VAN A
2	Số thẻ	Số thẻ được ghi trên thẻ ngân hàng	Có	Bao gồm các chữ số từ 0 đến 9, không chứa các ký tự như là dấu, không chứa chữ cái từ A đến Z	1234 5678 9876 5432
3	Ngày hết hạn	Ngày hết hạn của thẻ ngân hàng được ghi trên thẻ ngân hàng	Có	Bao gồm các chữ cái từ 0 đến 9, tháng trước và ngày sau, ngăn cách bằng dấu ‘/’ Ngoài ra, những ký tự khác coi là không hợp lệ	01/25
4	Mã bảo mật	Mã bảo mật của thẻ ngân hàng	Có	Bao gồm các chữ số từ 0 đến 9., maxLength = 4. Ngoài ra những ký tự khác coi là không hợp lệ	1234

8. Dữ liệu ra

Bảng 3. Dữ liệu ra cho UC thanh toán đơn hàng

STT	Trường dữ liệu	Miêu tả	Định dạng hiển thị	Ví dụ
1	Mã giao dịch	Mã giao dịch sau khi thành công việc thanh toán bằng hình thức “Thanh toán bằng thẻ ngân hàng”	Dãy các số từ 0 đến 9	560996
2	Tên chủ thẻ	Tên chủ thẻ, người dùng sử dụng hình thức trên làm hình thức thanh toán cho đơn hàng	Gồm các chữ cái in hoa, không dấu, từ A đến Z	LE THANH GIANG
3	Số tiền bị trừ	Số tiền ngân hàng trừ vào thẻ ngân hàng của người dùng sử dụng hình thức trên làm hình thức thanh toán	Gồm các chữ số từ 0 đến 9, mỗi 3 chữ số từ cuối sẽ ngăn cách bởi dấu phẩy	400,000
4	Nội dung giao dịch	Nội dung giao dịch mà hệ thống mặc định điền vào	Gồm các chữ cái từ a đến z, A đến Z và cách. Không chứa các ký tự đặc biệt	LE THANH GIANG chuyen tien thanh toan
5	Số dư	Số tiền còn lại của người dùng trong thẻ	Gồm các chữ số từ 0 đến 9, mỗi 3 chữ số từ cuối sẽ ngăn cách bởi dấu phẩy	1,000,000

9. Hậu điều kiện

Không có